

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH G**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/7/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc và ông Nguyễn Bá Lý.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị H L, sinh năm 1986;

- Bị đơn: Anh Lê Hồng H, sinh năm 1976;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 14 (nay tổ 5) phường Hội Phú, thành phố P, tỉnh G.

Hiện nay cùng ở tại địa chỉ: 580/1/50 Trường Chinh, phường Chi Lăng, thành phố H, tỉnh G.

(Chị L có mặt; anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Võ Thị H L trình bày:

-Về hôn nhân: Chị Võ Thị H L và anh Lê Hồng H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện IG, tỉnh G. Sau khi kết hôn sống chung được bảy năm và có hai con chung, sau đó Chị L phát hiện

anh H có hành vi cờ bạc, gây ra nợ nần và phải bán nhà để trả nợ cho anh H, tưởng rằng sau đợt bán nhà để trả nợ thì anh H sẽ hồi tâm chuyển ý chăm lo gia đình nhưng không ngờ anh H lại tiếp tục chơi bài bạc không tu chí làm ăn, càng ngày anh H càng lún sâu đi cả ngày lẫn đêm để bài bạc, Chị L hoàn toàn bất lực với anh H, từ đó gia đình không có tiếng nói chung và đây là nguyên nhân chính mà giữa Chị L và anh H không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đến nay mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng, tình cảm gia đình không thể hàn gắn được, cả hai không quan tâm chăm sóc đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy Chị L mong Tòa án xem xét giải quyết cho được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân cả hai có hai con chung là cháu Võ Trâm Anh, sinh ngày 20/4/2013 và cháu Võ Trung Dũng, sinh ngày 27/1/2016. Về con chung Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con cho đến khi thành niên và tự lập.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L cho rằng chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung, vì vậy ly hôn Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị L không yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về án phí ly hôn Chị L tự nguyện chịu toàn bộ theo qui định pháp luật.

Ngoài ra Chị L không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn là anh Lê Hồng H, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên hoà giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa) cho anh H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; anh H đã nhận được nhưng không đến Tòa án để làm việc cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Chị L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Võ Thị H L khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Lê Hồng H có địa chỉ tại thành phố P, tỉnh G. Đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện IG, tỉnh G vào ngày 15/01/2013 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau giữa Chị L và anh H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm rạn nứt mà không thể hàn gắn được, cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người đó sống. Nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh H để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của Chị L. Tại phiên tòa hôm nay anh H cũng vắng mặt, như vậy anh H không có thiện chí mong muốn được hòa giải đoàn tụ với Chị L. Tòa án tiến hành xác minh tại tổ 2, phường Chi Lăng, thành phố P thì thấy rằng: Chị L và anh H là người mới chuyển đến ở tại địa chỉ: 580/1/50 thuộc tổ 2, phường Chi Lăng gần một năm nay, cả hai không đăng ký hộ khẩu thường trú; về nguyên nhân mâu thuẫn giữa Chị L và anh H như thế nào thì địa phương không nắm rõ vì không nghe Chị L hay anh H báo cáo và hàng xóm ở cạnh cũng không phản ánh.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy: Chị L và anh H là vợ chồng hợp pháp nhưng cả hai không có tiếng nói chung để chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống, theo như Chị L trình bày thì anh H là người không có trách nhiệm với vợ và các con. Như vậy hôn nhân của Chị L và anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc Chị L yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân Chị L và anh H có hai con chung là cháu Võ Trâm Anh, sinh ngày 20/4/2013 và cháu Võ Trung Dũng, sinh ngày 27/01/2016. Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên vào ngày 06/5/2022 thì theo nguyện vọng của cháu Võ Trâm Anh muốn được ở với Chị L khi bố mẹ ly hôn, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, qui định rõ về việc: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con đủ 07 tuổi trở lên thì pH xem xét nguyện vọng của con*”. Xét về nguyện vọng

của cháu Võ Trâm Anh và nguyện vọng của Chị L thì việc giao hai con chung là Võ Trâm Anh và Võ Trung Dũng cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, vì chị có đủ điều kiện để nuôi con,

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi, tài sản chung và nghĩa vụ chung Chị L không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong phần quyết định.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên pH chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị H L.

Chị Võ Thị H L được ly hôn anh Lê Hồng H.

2. Giao con chung là cháu Võ Trâm Anh, sinh ngày 20/4/2013 và cháu Võ Trung Dũng, sinh ngày 27/01/2016 cho Chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Võ Thị H L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí

Tòa án đã nộp là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0001446, ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/7/2022) để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND TP.P;
- Chi cục THADS Tp.P;
- (UBND thị trấn I, huyện IG, tỉnh G; Số: 08/2013, Quyết số: 01/2013; ĐK ngày 15/01/2013)
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

